TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-12-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Hải
2. Ông Trương Văn Dũng

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2023 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm: 1983

Trú tại: Thôn Muỗng Do, xã Điền Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/11/2023).

- Bị đơn: Anh Trương Văn S, sinh năm: 1976

Trú tại: Thôn Muỗng Do, xã Điền Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án chị T trình bày:

Chị và anh Trương Văn S tự nguyện chung sốngvới nhau, có tổ chức tiệc cưới theo phong tục địa phương và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Điền Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 10/12/2002.Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2018 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi vã bất hòa, không có tiếng nói chung. Chị xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân nên có nguyện vọng được ly hôn với anh Trương Văn S.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 (ba) con chung là Trương Thị Quỳnh Ngân, sinh ngày 03/02/2011; Trương Mạnh Thái, sinh ngày 16/11/2013 và Trương Mạnh Dương, sinh ngày 16/11/2013. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mạnh Dương cho đến tuổi thành niên. Giao cháu Ngân và cháu Thái cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/11/2023 anh Sơn trình bày: Anh và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Điền Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 10/12/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong thời gian anh Sơn đi làm ăn xa thị chị T ở nhà thường xuyên gian dối, thường xuyên ăn tiêu, chơi bời và có hành vi ngoại tình, không làm tròn trách nhiệm của một người vợ, người mẹ. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 (ba) con chung là Trương Thị Quỳnh Ngân, sinh ngày 03/02/2011; Trương Mạnh Thái, sinh ngày 16/11/2013 và Trương Mạnh Dương, sinh ngày 16/11/2013. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung là cháu Ngân và cháu Thái. Anh đồng ý giao cháu Dương cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Tâm đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh Sơn không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Sơn. Anh S cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh S.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn anh S. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Quỳnh Ngân, sinh ngày 03/02/2011 và Trương Mạnh Thái, sinh ngày 16/11/2013 cho anh S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, giao cháu Trương Mạnh Dương, sinh ngày 16/11/2013 cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, không ai phải cấp

dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Về tài sản và công nợ: Chị T và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Trương Văn S đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức tiệc cưới theo phong tục địa phương và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Điền Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 10/12/2002 và không vi phạm các Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình chung sống do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã bất hòa, không có tiếng nói chung. Anh S đi làm xa nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Vợ chồng không có sự đồng cảm, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Cả chị T và anh S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T và anh S được ly hôn để giải phóng cho nhau là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh S có 03 (ba) con chung là Trương Thị Quỳnh Ngân, sinh ngày 03/02/2011; Trương Mạnh Thái, sinh ngày 16/11/2013 và Trương Mạnh Dương, sinh ngày 16/11/2013. Ly hôn chị Tâm và anh Sơn đều thống nhất giao cháu Ngân và cháu Thái cho anh S nuôi dưỡng, giao cháu Dương cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Tại bản trình bày nguyện vọng cháu Trương Thị Quỳnh Ngân và cháu Trương Mạnh Thái đều có nguyện vọng được sống với bố là anh S và cháu Trương Mạnh Dương có nguyện vọng được sống với mẹ là chị T. Để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định bình thường cho con trẻ, tránh sự sáo trộn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Nghĩ nên giao cháu Dương cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ngân và cháu Thái cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị T và anh S không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81 ,82 ,83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 207, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án

Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Trương Văn S.

Về con chung: Giao cháu Trương Thị Quỳnh Ngân, sinh ngày 03/02/2011 và Trương Mạnh Thái, sinh ngày 16/11/2013 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Giao cháu Trương Mạnh Dương, sinh ngày 16/11/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Chị T và anh S có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước theo biên lai số: AA/2022/0001944 ngày 13/11/2023. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T và anh S. Chị T và anh S được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bá Thước;
- Các đương sự;
- UBND xã Điền Trung;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lương Thanh Hải **Hà Thị Minh** **Phạm Văn Hùng**